

Số: /SYT-NVY

Bình Định, ngày tháng 5 năm 2024

V/v Thông tư bãi bỏ một phần
các văn bản quy phạm pháp luật
do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh;
- Các phòng khám đa khoa tư nhân trên địa bàn tỉnh.

Ngày 24/5/2024, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BYT về việc bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (*đính kèm*).

Theo đó, kể từ ngày 24/5/2024, Bộ Y tế bãi bỏ một phần của các Thông tư như sau:

1. Khoản 3 Điều 5, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; cụ thể:

- Khoản 3 Điều 5 quy định Chuyển đổi mức hưởng bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng:

“3. Giấy tờ xác định người tham gia bảo hiểm y tế thuộc đối tượng là cựu chiến binh:

a) Cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ căn cứ một trong các giấy tờ sau đây:

- *Quyết định phục viên, xuất ngũ (thời việc);*
- *Lý lịch cán bộ hoặc bản Trích yếu 63 đối với sĩ quan;*
- *Lý lịch quân nhân;*
- *Thẻ quân nhân;*
- *Phiếu quân nhân;*
- *Lý lịch đảng viên được lập từ trước ngày cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ (thời việc);*
- *Quyết định hưởng trợ cấp theo quy định tại một trong các văn bản sau đây:*

+ Nghị định số 500-NĐ/LB ngày 12 tháng 11 năm 1958 của liên Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Cứu tế Xã hội quy định thể lệ trợ cấp dài hạn cho

những quân nhân tình nguyện được phục viên vì ốm yếu mà không có khả năng lao động;

+ Nghị định số 111-NĐ ngày 22 tháng 6 năm 1957 của Bộ Quốc phòng quy định cụ thể những khoản trợ cấp cho quân nhân phục viên;

+ Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước;

+ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước;

+ Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;

+ Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

b) Cựu chiến binh nghỉ hưu, hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng: căn cứ Quyết định hưởng chế độ hưu trí hàng tháng hoặc Quyết định hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Cựu chiến binh đã chuyển ngành căn cứ một trong các giấy tờ sau đây:

- Quyết định phục viên, xuất ngũ (thôi việc), chuyển ngành;

- Lý lịch cán bộ hoặc bản Trích yếu 63 đối với sĩ quan;

- Lý lịch quân nhân;

- Thẻ quân nhân;

- Phiếu quân nhân;

- Lý lịch công nhân viên quốc phòng;

- Lý lịch đảng viên được lập từ trước ngày cựu chiến binh phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành.

d) Trường hợp cựu chiến binh bị mất hồ sơ, giấy tờ:

- Cựu chiến binh bị mất hồ sơ, giấy tờ thể hiện là cựu chiến binh nhưng có một trong các giấy tờ sau đây:

- + Quyết định nhập ngũ;*
- + Quyết định tuyển dụng;*
- + Quyết định phong thăng quân hàm, nâng lương;*
- + Quyết định điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ; giao nhiệm vụ;*
- + Giấy tờ khen thưởng thành tích trong kháng chiến, khen thưởng trong chiến đấu;*

+ Văn bản xác nhận là cựu chiến binh của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh (Áp dụng với đối tượng có giấy tờ, tài liệu được lập trước ngày 29 tháng 12 năm 2006 trong đó có nội dung chứng minh là cựu chiến binh).

- Cựu chiến binh nhập ngũ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975 có thời gian trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu nhưng bị mất hồ sơ, giấy tờ thể hiện là cựu chiến binh: Giấy xác nhận quá trình công tác của đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do Thủ trưởng đơn vị nơi đối tượng đã công tác cấp theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của liên tịch Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc làm căn cứ xác nhận cựu chiến binh;

- Cựu chiến binh nhập ngũ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975 có thời gian trực tiếp chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu có hồ sơ, giấy tờ nhưng không ghi rõ thời gian, đơn vị, địa bàn xảy ra chiến sự: Bản trích lục giải mã đơn vị, thời gian, địa bàn xảy ra chiến sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do Thủ trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cựu chiến binh cư trú cấp theo Hướng dẫn số 3386/LC-CTC-CCS ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Liên Cục Tác chiến, Cục Chính sách hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2084/QĐ-BBTM ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Tổng Tham mưu trưởng về việc ban hành Danh mục địa bàn, thời gian, đơn vị trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30 tháng 04 năm 1975.”

- Khoản 3 Điều 8 quy định Hướng dẫn thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu:

“3. Văn bản thỏa thuận chỉ được cơ quan, đơn vị ký với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc với cá nhân thực hiện kiêm nhiệm khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trụ sở trên cùng địa bàn xã với cơ quan, đơn vị đó hoặc có trụ sở trên địa bàn của xã giáp ranh với xã nơi cơ quan, đơn vị đó đặt trụ sở;

b) Người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có đăng ký hành nghề trong giờ hành chính trên địa bàn xã nơi cơ quan, đơn vị đó đặt trụ sở hoặc có đăng ký hành nghề trong giờ hành chính trên địa bàn của xã giáp ranh với xã nơi cơ quan, đơn vị đó đặt trụ sở.”

2. Điều 6, Điều 8 Thông tư số 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện; cụ thể:

- Điều 6 quy định Cơ cấu tổ chức về dinh dưỡng:

“1. Tổ chức hoạt động dinh dưỡng:

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của bệnh viện, việc thành lập khoa Dinh dưỡng hoặc bộ phận Dinh dưỡng trong khối lâm sàng của bệnh viện được thực hiện như sau:

a) Đối với bệnh viện có quy mô từ 100 giường bệnh trở lên phải thành lập khoa Dinh dưỡng. Mỗi 100 giường bệnh phải có tối thiểu 01 người làm chuyên môn về dinh dưỡng.

b) Đối với bệnh viện có quy mô dưới 100 giường bệnh, nếu không thành lập được khoa Dinh dưỡng thì phải có bộ phận Dinh dưỡng hoặc có người phụ trách dinh dưỡng làm việc toàn thời gian.

2. Khoa Dinh dưỡng phải có các bộ phận sau đây:

a) Bộ phận tư vấn dinh dưỡng.

b) Bộ phận dinh dưỡng điều trị.

c) Bộ phận chế biến và cung cấp chế độ dinh dưỡng.

Nếu chưa có bộ phận chế biến và cung cấp chế độ dinh dưỡng, bệnh viện phải ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân ngoài bệnh viện để chế biến suất ăn ngay tại bệnh viện và tổ chức, cá nhân này phải chịu sự giám sát về chuyên môn và an toàn thực phẩm của khoa Dinh dưỡng.”

- Điều 8 quy định Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dinh dưỡng:

“1. Bệnh viện phải bố trí cơ sở vật chất bảo đảm hoạt động dinh dưỡng như sau:

a) Khoa dinh dưỡng hoặc bộ phận dinh dưỡng

b) Khu vực chế biến suất ăn, phòng ăn phải được thiết kế xây dựng, bố trí cách xa khu vực nhà đại thể, khu vực lưu giữ chất thải, giặt đồ, khu vực cách ly

bệnh truyền nhiễm và bảo đảm các điều kiện của pháp luật về an toàn thực phẩm.

2. Các khoa Nhi, Sơ sinh phải có khu vực pha sữa: Khu vực pha sữa có hướng dẫn cách pha sữa; nước nóng, lạnh; nước sạch, bồn rửa tay và dung dịch rửa tay.”

3. Khoản 3 Điều 4, Điều 5 Thông tư số 21/2020/TT-BYT ngày 30/11/2020 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với bác sỹ y khoa; cụ thể:

- Khoản 3 Điều 4 quy định Khung nội dung, thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh:

“Trong quá trình thực hành kỹ thuật chuyên môn, người thực hành được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 buổi (mỗi buổi 4 tiết). Thời gian tập huấn này được tính vào tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 18 tháng quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Điều 5 quy định Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành:

“1. Hằng năm, dựa trên nhu cầu của người cần được hướng dẫn thực hành, khả năng tiếp nhận người thực hành, cơ sở hướng dẫn thực hành phải xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành.

2. Kế hoạch hướng dẫn thực hành bao gồm số lượng người thực hành mà cơ sở có thể tiếp nhận trong năm; số lượng và danh sách người hướng dẫn thực hành; hợp đồng hợp tác hướng dẫn thực hành (nếu có);

Trường hợp cơ sở hướng dẫn thực hành chưa có đủ các chuyên khoa cần thực hành theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, cơ sở hướng dẫn thực hành được phép ký hợp đồng hợp tác với cơ sở hướng dẫn thực hành khác có chuyên khoa đó.

3. Cơ sở hướng dẫn thực hành gửi Kế hoạch hướng dẫn thực hành hằng năm đến Bộ Y tế hoặc Sở Y tế trước ngày 31/01 theo phân cấp quản lý để tổng hợp, theo dõi và quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành. Đồng thời, cơ sở hướng dẫn thực hành phải đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ sở đó.

4. Bộ Y tế, Sở Y tế tổng hợp Kế hoạch hướng dẫn thực hành của các cơ sở hướng dẫn thực hành thuộc thẩm quyền quản lý, đăng tải thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và Trang thông tin điện tử của Sở Y tế.”

4. Điều 13 Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; cụ thể:

“Điều 13. Xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm đối với sản xuất, kinh doanh, sử dụng phụ gia thực phẩm

Các trường hợp vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng phụ gia thực phẩm sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và các văn bản khác có liên quan. Trường hợp vi phạm có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xem xét, quyết định phạt tiền và tước quyền sử dụng Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm ở mức cao nhất.”

Sở Y tế thông báo đến các đơn vị để biết, nghiên cứu và cập nhật quy định của Pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bệnh viện Quân Y 13;
- Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hoà;
- Bệnh viện Chỉnh hình - Phục hồi chức năng Quy Nhơn;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng